

Số: 06^u/BC-THCSVNG

Mường Phăng, ngày 02 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO

Công khai thu, chi tài chính của nhà trường năm 2025

Căn cứ theo Điều 5 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trường THCS Võ Nguyên Giáp báo cáo công khai thu, chi tài chính của nhà trường như sau:

1. Tình hình tài chính.

1.1. Các khoản thu phân theo:

1.1.1. Nguồn ngân sách năm 2025:

- Nguồn ngân sách chi thường xuyên tồn năm trước C/S: 38.497.021 đồng.
- Nguồn ngân sách chi thường xuyên: 12.376.110.618 đồng.
- Nguồn ngân sách không tự chủ: 2.399.563.268 đồng.
- Nguồn ngân sách khen thưởng theo NĐ73: 550.059.000 đồng.

1.1.2. Nguồn thu khác năm học 2024-2025:

- Nguồn thu học phí kì II năm học 2024-2025 60.775.000 đồng.
- Nguồn thu học phí kỳ I năm học 2025-2026 0 đồng.
- Nguồn thu quỹ vệ sinh phục vụ học sinh: 129.520.000 đồng.
- Nguồn thu vận động tài trợ: 185.500.000 đồng.
- Chăm sóc sức khỏe ban đầu: 37.569.413 đồng.
- Dạy thêm học thêm: 123.840.000 đồng

1.2. Các khoản chi phân theo:

1.2.1. Nguồn chi ngân sách năm 2025:

- Nguồn ngân sách chi thường xuyên: 12.182.473.662 đồng.
- + Chi lương và các khoản thu nhập: 11.176.621.422 đồng.
- + Chi CSVC và dịch vụ: 535.649.994 đồng.
- + Chi khác: 470.382.246 đồng.
- Nguồn ngân sách không tự chủ: 2.094.260.412 đồng.
- + Chi hỗ trợ bán trú: 1.252.927.500 đồng.
- + Chi hỗ trợ CPHT của học sinh: 399.600.000 đồng.

+ Cấp bù học phí:	120.500.000 đồng.
+ Mua sắm TS, CCDC, TBDH:	1.183.930.000 đồng.
+ Chi khác:	104.300.000 đồng.
+ Chi nghỉ hưu NĐ154:	503.232.912 đồng.
- Nguồn chi khen thưởng theo NĐ73:	546.332.265 đồng.

1.2.2. Nguồn chi khác năm học 2024 - 2025.

- Chi nộp học phí kỳ II năm học 2024-2025:	60.775.000 đồng.
- Chi thanh toán tiền mua đồ dùng vệ sinh, dọn vệ sinh...:	63.120.000 đồng.
- Chi thanh toán tiền vận động tài trợ:	185.500.000 đồng.
- Chi chăm sóc sức khỏe ban đầu:	14.542.215 đồng.
- Chi dạy thêm học thêm:	123.840.000 đồng.

1.2.3. Nguồn chi khác năm học 2025 - 2026.

- Chi thanh toán tiền mua đồ dùng vệ sinh, tiền dọn VS:	51.643.000 đồng.
- Chi chăm sóc sức khỏe ban đầu:	23.027.198 đồng.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học

- Năm học 2024 – 2025:

TT	Nội dung thu	Thực thu	Ghi chú
I	Thực hiện thu học phí theo quy định		
1	Học phí: (Theo Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh)	Vùng I: 25.000 đ/hs/tháng Vùng II: 15.000đ/hs/ tháng Vùng III: 10.000đ/hs/ tháng	Thu theo học kỳ
2	Học thêm dạy thêm:	180.000đ/1 kỳ	Thu 1 lần trong năm
II	Thực hiện thu các khoản thỏa thuận thu hộ chi hộ theo quyết định (Theo quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 26/08/2021 của UBND tỉnh)		
1	Dọn nhà vệ sinh phục vụ học sinh	80.000 đ/hs/năm học	Thu 1 lần đầu năm
II	Thực hiện các khoản kinh phí được vận động thu		
1	Vận động các tổ chức, các cá nhân tài trợ trên tinh thần tự nguyện	Tự nguyện	

- Năm học 2025-2026:

TT	Nội dung thu	Thực thu, vận động	Ghi chú
I	Thực hiện thu các khoản thỏa thuận		

	theo quyết định (Theo nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 11/07/2024 của UBND tỉnh)		
1	Hỗ trợ công tác vệ sinh (đồ dùng, dụng cụ, giấy VS, thu gom rác...)	80.000 đ/hs/năm học	Thu 1 lần đầu năm
II	Thực hiện các khoản kinh phí được vận động thu		
1	Vận động các tổ chức, các cá nhân tài trợ trên tinh thần tự nguyện	Tự nguyện	

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp; miễn, giảm học phí và học bổng cho học sinh.

- Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021; Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính Phủ; Nghị định 66/2025/NĐ-CP, ngày 12/03/2025 của Chính Phủ.

+ Mức chi: Chi phí học tập 150.000đ/tháng/ học sinh.

HK2/NH 2024-2025 là 303 em: Số tiền: 226.800.000 đồng

HK I/NH 2025-2026 là 288 em: Số tiền: 172.800.000 đồng

- Cấp bù học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021; Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính Phủ.

HK2/NH 2024-2025 là 303 em: Số tiền: 37.500.000 đồng

HK I/NH 2025-2026 là 830 em: Số tiền: 83.000.000 đồng

- Bán trú NĐ66/2025/NĐ-CP ngày 12/03/2025 của Chính Phủ:

+ Mức chi: Hỗ trợ học sinh bán trú: 936.000đ/tháng/học sinh; gạo 15kg/1 tháng/học sinh.

HK2 năm học 2024-2025 là 166 em; số tiền: 776.880.000đ; gạo 12.450kg.

HK1 năm học 2025-2026 là 93 em; số tiền: 346.320.000đ; gạo 7.650kg.

4. Số dư các quỹ theo quy định.

a. Nguồn ngân sách năm 2025:

+Nguồn ngân sách chi thường xuyên: 232.133.977 đồng.

+Nguồn ngân sách không tự chủ: 22.272.500 đồng.

b. Nguồn chi khác:

* Năm học 2024-2025:

+ Nguồn dọn nhà vệ sinh học sinh: 0 đồng

+ Nguồn chăm sóc sức khoẻ ban đầu: 0 đồng

+ Nguồn vận động tài trợ: 0 đồng

+ Nguồn dạy thêm học thêm: 0 đồng.

* Năm học 2025-2026:

+ Nguồn dọn nhà vệ sinh học sinh:	14.757.000 đồng
+ Nguồn chăm sóc sức khỏe ban đầu:	23.027.198 đồng
+ Nguồn học phí:	194.643.935 đồng

5. Các nội dung công khai khác

- Công khai theo Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài Chính và Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ:

- Công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 (Kèm theo Quyết định số 02a/QĐ-THCSVNG ngày 13/01/2025 của trường THCS Võ Nguyên Giáp).

- Công khai thực hiện dự toán và quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 (Kèm theo Quyết định số 08a/QĐ-THCSVNG ngày 23/02/2026 của trường THCS Võ Nguyên Giáp).

- Công khai thu, chi các khoản vận động tài trợ, thỏa thuận số 62a/QĐ-THCSVNG ngày 02 tháng 6 năm 2025 của trường THCS Võ Nguyên Giáp năm học 2024-2025.

Trên đây là báo cáo công khai thu, chi tài chính của trường THCS Võ Nguyên Giáp./.

Nơi nhận:

- CBG, NV trường;
- Đăng trên website của trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Trung